

Bản án số: 73/2022/HS-ST
Ngày: 25 - 11- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Võ Phi Hùng
2. Ông Nguyễn Đình Như

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Đình Thuyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 67/2022/HSST ngày 26 tháng 10 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 70/2022/QĐXXST-HS ngày 10/11/2022 đối với các bị cáo:

1. **Tô Ngọc T**, sinh năm 1993 tại Trà Vinh. Tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam. Nơi đăng ký HKTT: Ấp S, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp 10, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước. Nghề nghiệp: Làm thuê; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật giáo; Trình độ học vấn: 01/12. Con ông Tô Ngọc T và bà Thạch Thị H; Bị cáo chưa có vợ con. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/6/2022 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

2. **Lê Văn N**, sinh năm 1989 tại Thanh Hoá. Tên gọi khác: Không Giới tính: Nam. Nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương. Nghề nghiệp: Chăn nuôi; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12. Con ông: Lê Văn G và bà Nguyễn Thị T. Bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc L, có 02 con chung, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không. Ngày 08/7/2022 bị Cơ quan CSĐT Công an huyện H ra Quyết định khởi tố bị can và ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên Tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1976. (vắng mặt có đơn xin vắng)

Địa chỉ: Ấp 10, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tô Ngọc T là công nhân chăn nuôi heo tại trại heo “Nguyễn Công N” do ông Nguyễn Văn S làm chủ. Do ông S không thường xuyên ở lại trại heo nên đã giao việc chăm sóc heo tại các dãy chuồng số 4, 5, 6 và quản lý kho cám số 02 lại cho T. Nhiệm vụ của T là quản lý việc xuất nhập kho cám số 02, cho heo ăn, tắm rửa và vệ sinh chuồng heo, hàng ngày báo cáo với ông S qua điện thoại.

Đầu tháng 4 năm 2022, T quen biết với Lê Văn N. Khi biết T làm công nhân tại trại heo thì N bàn bạc với T lấy cám của trại heo bán lại cho N với giá rẻ thì T đồng ý. T và N thỏa thuận giá mỗi bao cám 40kg là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), khi nào T lấy được cám sẽ gọi điện hoặc khi N hết cám sẽ gọi cho T.

Cuối tháng 4 năm 2022, N điện thoại cho T hỏi có cám chưa thì T nói N đến trại heo để chở cám. N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 61A-46336 đến trại heo dừng ở gần cổng số 02, còn T lấy 10 bao cám (loại 40kg mã số 1041S) từ kho số 02 mang ra bỏ lên xe ô tô của N. Sau khi nhận đủ số cám N trả cho T số tiền 3.000.000 đồng như đã thỏa thuận rồi chở cám về. Cũng với phương thức, thủ đoạn như trên, trong khoảng thời gian từ cuối tháng 4 năm 2022 đến ngày 25/6/2022, T và N đã nhiều lần (các bị can xác định được 10 lần) chiếm đoạt cám của trại heo, mỗi lần từ 10 đến 20 bao cám, tổng số bao cám chiếm đoạt được là 145 bao.

Ngày 28/6/2022, ông Nguyễn Văn S xuất heo bán thì phát hiện heo không đạt trọng lượng theo yêu cầu. Nghi ngờ công nhân trong trại heo không cho heo ăn đủ cám rồi lấy trộm cám bán ra ngoài nên ông S đến Công an xã T trình báo. Biết không thể chối tội nên Tô Ngọc T đến Công an xã T đầu thú.

Ngày 05/7/2022, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H có Kết luận định giá số 21/KL-HĐĐGTTTHS, kết luận: 01 bao cám heo mã số 1041S, trọng lượng 40kg, dạng viên, do công ty TNHH CJ VINA AGRI sản xuất tại thời điểm bị chiếm đoạt có giá trị là 576.800 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt cơ quan điều tra chứng minh được là 83.636.000 đồng.

Cáo trạng số 70/CT-VKS ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước truy tố các bị cáo: Tô Ngọc T, Lê Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 175, Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên truy tố như Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo:

Tô Ngọc T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Áp dụng điểm s khoản , khoản 2, Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 của Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 30 (ba mươi) đến 32 (ba mươi hai) tháng tù.

Tuyên bố Lê Văn N về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 175 Bộ luật Hình sự năm 2015. Áp dụng điểm s, b, khoản , khoản 2, Điều 51, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 của Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo từ 24(hai mươi bốn) đến 26 (hai mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 48 (bốn tám) đến 52 (năm mươi hai) tháng.

Vật chứng của vụ án đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Tô Ngọc T, Lê Văn N đều nhận thức được lỗi lầm của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để có cơ hội sửa chữa sai lầm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được thu thập trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Bị cáo Tô Ngọc T trên cơ sở được chủ trang trại heo mang tên Nguyễn Văn N là ông Nguyễn Văn S làm chủ tin tưởng giao quản lý chăm sóc chuồng trại heo tại các dãy chuồng số 4, 5, 6 tại xã T, huyện H, Bình Phước và quản lý kho cám số 2, mục đích xuất cám để cho heo ăn. Biết được T có trách nhiệm như trên nên bị cáo Lê Văn N qua mối quan hệ quen biết với T đã cùng nhau bàn bạc chiếm đoạt số cám tại kho bằng phương thức N sắp xếp lấy cám từ kho do T quản lý, T trực

tiếp vận chuyển lên xe ô tô của N từ kho cám đến trại heo của N tại Tây Ninh. Với phương thức, thủ đoạn trên cả hai bị cáo đã chiếm đoạt của chủ trại heo ông Nguyễn Văn S mà cơ quan điều tra chứng minh được là 145 bao cám, thời gian từ cuối tháng 4/2022 đến 25/6/2022. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt có giá trị 83.636.000đ. Như vậy, các hành vi của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được Nhà nước bảo vệ, với hành vi phạm tội với lỗi cố trực tiếp, lợi dụng sự tin tưởng của chủ trang trại được giao quản lý đã chiếm đoạt tài sản đủ dấu hiệu và yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 175, Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội: Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện trong thời gian ngắn thực hiện nhiều lần nên phải có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, để răn đe, giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung. Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, để có cơ sở định tội, lượng hình chính xác, phù hợp cần thiết phải đánh giá nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với từng bị cáo, cụ thể như sau:

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Bị cáo Tô Ngọc T là người chưa có tiền án tiền sự, nhưng trong vụ án bị cáo là người trực tiếp liên hệ với bị cáo N tạo cơ hội để bị cáo N gắp gỡ bàn bạc để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo cũng là người được giao quản lý tài sản nên để thực hiện chiếm đoạt tài sản thì bị cáo là người có vai trò chính để cùng với bị cáo N thực hiện được hành vi phạm tội. Với số lượng cám chiếm đoạt nhiều lần và số tiền chiếm đoạt, bị cáo còn trực tiếp nhận lại số tiền đã bán cho bị cáo N. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo hình phạt nghiêm khắc, cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian, mới có tác dụng giáo dục, răn đe, để răn bị cáo là người có ích cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình cũng cân nhắc các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo đã ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình và tại phiên Tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s, khoản 1 và khoản 2, Điều 51, Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng phạm tội từ 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g, Điều 52, Bộ luật Hình sự 2015.

Bị cáo Lê Văn N: Bị cáo cũng là người có nhân thân tốt, có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự như bị cáo T theo quy định tại điểm g, Điều 52, Bộ luật Hình sự, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bao gồm thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho phía bị hại, quy định tại

điểm b, điểm s, khoản 1, Điều 51, Bộ luật hình sự và 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2, Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Cụ thể bị hại đã bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo được Chủ tịch UBND huyện D tặng Giấy khen về sản xuất trong phong trào nông dân kinh doanh giỏi, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen trong công tác Dân vận giỏi. Bị cáo có nhân thân tốt; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận. Hội đồng xét xử chỉ cần xử phạt tù ở mức khởi điểm của khung hình phạt nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15-4-2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, cũng đảm bảo yêu cầu đấu tranh phòng ngừa tội phạm và giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh các bị cáo Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm Dân sự: Căn cứ đơn xin vắng mặt của phía bị hại ông Nguyễn Văn S hiện nay ông không yêu cầu thêm vấn đề gì tại phiên Tòa. Các nội dung lời khai của ông S yêu cầu bị cáo T phải bồi thường cho ông S do số cácm ông mất nhiều hơn số lượng mà cơ quan điều tra đã chứng minh. Xét thấy, về trách nhiệm bồi thường dân sự hiện nay ông S chưa yêu cầu nên cần tách ra giải quyết thành vụ án khác khi ông S có yêu cầu, có chứng cứ chứng minh.

[7] Về xử lý vật chứng: Qua nghiên cứu hồ sơ và đề nghị của Viện kiểm sát tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử thống nhất với quan điểm xử lý vật chứng như Cáo trạng của Viện kiểm sát và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên Tòa đã đề xuất.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Tô Ngọc T và Lê Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c, khoản 2, Điều 175, Bộ luật hình sự 2015 và đề xuất mức hình phạt phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố: Bị cáo Tô Ngọc T và bị cáo Lê Văn N phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”;

2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:

- Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 175; điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 58, Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Tô Ngọc T 02 (hai) năm 04(bốn) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 30/6/2022

- Áp dụng điểm c, khoản 2 Điều 175; điểm s, b khoản 1, khoản 2, Điều 51, Điều 58, Điều 65, Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn N 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 48 (bốn tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Lê Văn N cho xã M, huyện D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo các quy định của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm Dân sự: Xử lý thành một vụ án khác khi bị hại có yêu cầu giải quyết bồi thường thiệt hại đối với bị cáo Tô Ngọc T.

4. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu Masstel, Model: Fami 60, màu đen IMEI 1: 35806924446163, IMEI 2: 358069244564160 của bị cáo Lê Văn N.

- 01 điện thoại Samsung A03, số kiểu máy: SM-A035F/DS, màu đỏ đen của bị cáo Tô Ngọc T.

- 01 vỏ bao cám, màu trắng, trên vỏ bao có chữ “Sản phẩm sử dụng nội bộ các hành vi mua bán, trao đổi, biếu tặng là vi phạm pháp luật”.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/10/2022, số: 0005869 giữa Công an huyện H và Chi cục Thi hành án dân sự huyện H).

5. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Văn N, Tô Ngọc T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Phòng HSNV CA tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Bộ phận HSNV CA H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Nhà tạm giữ;
- Bị cáo;
- Lưu trữ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Hồng